

MÔN: NGỮ VĂN 6 HỌC KỲ I

A. PHẦN VĂN BẢN

I/Các thể loại truyện dân gian: (định nghĩa)

1. Truyền thuyết: Loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố tưởng tượng kì ảo. Truyền thuyết thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử được kể.

2. Cổ tích: Loại truyện dân gian kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật quen thuộc:

- Nhân vật bất hạnh (Người mồ côi, người con riêng, người có hình dạng xấu xí...);
- Nhân vật dũng sĩ và nhân vật có tài năng kì lạ;
- Nhân vật thông minh và nhân vật ngốc nghếch;
- Nhân vật là động vật (con vật biết nói năng, hoạt động, tính cách như con người).

Truyện cổ tích thường có yếu tố hoang đường, thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt đối với cái xấu, sự công bằng đối với sự bất công.

3. Truyện ngụ ngôn:

Là loại truyện kể bằng văn xuôi hoặc văn vần, mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc về chính con người để nói bóng gió, kín đáo chuyện con người, nhằm khuyên nhủ, răn dạy người ta bài học nào đó trong cuộc sống

4. Truyện cười: Loại truyện kể về những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống nhằm tạo ra tiếng cười mua vui hoặc phê phán những thói hư, tật xấu trong xã hội.

II/ Đặc điểm tiêu biểu của các thể loại truyện dân gian

Truyền thuyết	Cổ tích	Ngụ ngôn	Truyện cười
- Là truyện kể về các sự kiện và nhân vật lịch sử thời quá khứ	- Là truyện kể về cuộc đời của các nhân vật quen thuộc	- Là truyện kể mượn chuyện loài vật, đồ vật, cây cối hoặc chính con người để nói bóng gió, kín đáo chuyện con người.	- Là truyện kể về những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống
- Có chi tiết tưởng tượng, kì ảo	- Có chi tiết tưởng tượng kì ảo	- Có ý nghĩa ẩn dụ, ngụ ý	- Có yếu tố gây cười
- Có cốt lõi sự thật lịch sử, cơ sở lịch sử			

- Thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với nhân dân và nhân vật lịch sử được kể	- Thể hiện niềm tin và ước mơ của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện, cái tốt, cái lẽ phải	- Nêu lên bài học để khuyên dạy người đời	- Nhằm gây cười, mua vui, phê phán, châm biếm những thói hư tật xấu trong xã hội, hướng con người đến cái tốt
- Người kể, người nghe tin câu chuyện có thật.	- Người kể, người nghe không tin câu chuyện có thật		

III/ Hệ thống kiến thức các văn bản ở các thể loại truyện dân gian

Thể loại	Tên truyện	Nhân vật chính	Chi tiết tương tượng kì ảo	Nghệ thuật	Ý nghĩa
Truyện thuyết	CRCT	LLQ, AC	* Nguồn gốc và hình dạng của LLQ, AC và việc sinh nở của AC)	* Sử dụng các yếu tố tương tượng kì ảo - Xây dựng hình tượng nhân vật mang dáng dấp thần linh	* Ngợi ca nguồn gốc cao quý của dân tộc và ý nguyện đoàn kết gắn bó của dân tộc ta.
	BCBG	Lang Liêu	* LL được thần mách bảo: "Trong trời đất, không gì quý bằng hạt gạo"	* Sử dụng chi tiết tương tượng - Lối kể chuyện theo trình tự thời gian.	* Suy tôn tài năng, phẩm chất con người trong việc xây dựng đất nước

Truyền thuyết	Thánh Gióng	Thánh Gióng	<p>* Sự ra đời kì lạ và tuổi thơ khác thường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt cùng Gióng ra trận. - Gióng bay về trời. 	<p>* Xây dựng người anh hùng giữ nước mang màu sắc thần kì với chi tiết kì ảo, phi thường, hình tượng biểu tượng cho ý chí, sức mạnh của cộng đồng người Việt trước hiểm hoạ xâm lăng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách xây chuỗi những sự kiện lịch sử trong quá khứ với hình ảnh thiên nhiên đất nước: lí giải ao, hồ, núi Sóc, tre ngà 	<p>* Ca ngợi người anh hùng đánh giặc tiêu biểu cho sự trở dậy của truyền thống yêu nước, đoàn kết, tinh thần anh dũng, kiên cường của dân tộc ta.</p>
	ST, TT	ST, TT	<p>* Hai nhân vật đều là thần, có tài năng phi thường</p>	<p>* Xây dựng hình tượng nhân vật mang dáng dấp thần linh ST, TT với chi tiết tương tượng kì ảo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo sự việc hấp dẫn (ST, TT cùng cầu hôn MN) - Dẫn dắt, kể chuyện lôi cuốn, sinh động 	<p>* Giải thích hiện tượng mưa bão xảy ra ở đồng bằng Bắc Bộ thờ các vua Hùng dựng nước; thể hiện sức mạnh và ước mơ chế ngự thiên tai, bảo vệ cuộc sống của người Việt cổ.</p>
	Sự tích Hồ Gươm	Lê Lợi - chủ tướng của nghĩa quân Lam Sơn	<p>* Rùa Vàng, gươm thần</p>	<p>* Xây dựng tình tiết thể hiện ý nguyện, tinh thần của dân ta đoàn kết một lòng chống giặc ngoại xâm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng một số hình ảnh, chi tiết kì ảo giàu ý nghĩa (gươm thần, RV) 	<p>* Giải thích tên gọi HHK, ca ngợi cuộc kháng chiến chính nghĩa chống giặc Minh do LL lãnh đạo đã chiến thắng vẻ vang và ý nguyện đoàn kết, khát vọng hoà bình của dt ta.</p>

Cổ tích	Thạch Sanh	Thạch Sanh	<p>* TS là một nhân vật có nguồn gốc xuất thân cao quý (được Ngọc Hoàng sai thái tử đầu thai làm con, thần dạy cho võ nghệ)</p> <p>- Tiếng đàn (công lí, nhân ái, yêu chuộng hoà bình)</p> <p>- Niều cơm thần: (tinh người, lòng nhân đạo)</p> <p>- Cung tên vàng</p>	<p>- Sắp xếp tình tiết tự nhiên khéo léo (công chúa bị cầm trong hang sâu, nghe đàn khỏi bệnh và giải oan cho TS nên vợ chồng)</p> <p>- Sử dụng những chi tiết thần kì</p> <p>- Kết thúc có hậu</p>	<p>* Ước mơ, niềm tin của nhân dân về sự chiến thắng của những con người chính nghĩa, lương thiện</p>
	Em bé thông minh	Em bé thông minh (nhân vật thông minh)	<p>* Không có yếu tố thần kì, chỉ có câu đố và cách giải đố</p>	<p>* Dùng câu đố để thử tài- tạo tình huống thử thách để em bé bộc lộ tài năng, phẩm chất</p> <p>- Cách dẫn dắt sự việc cùng mức độ tăng dần, cách giải đố tạo tiếng cười hài hước</p>	<p>* Đề cao trí khôn dân gian, kinh nghiệm đời sống dân gian; tạo ra tiếng cười</p>
	Cây bút thần (truyện cổ tích Trung Quốc)	Mã Lương (kiểu nhân vật có tài năng kì lạ)	<p>* ML nằm mơ gặp và được cho cây bút bằng vàng, ML vật trở nên thật</p>	<p>* Sáng tạo các chi tiết nghệ thuật kì ảo</p> <p>- Sáng tạo các chi tiết nghệ thuật tăng tiến phản ánh hiện thực cuộc sống với mâu thuẫn xã hội không thể dung hòa</p> <p>- Kết thúc có hậu, thể hiện niềm tin của nhân dân vào khả năng của những con người chính nghĩa, có tài năng.</p>	<p>* Khẳng định tài năng, nghệ thuật chân chính phải thuộc về nhân dân, phục vụ nhân dân, chống lại các ác</p> <p>- Ước mơ và niềm tin của nhân dân về công lí xã hội và khả năng kì diệu của con người.</p>

	ÔLDC VCCV	Vợ chồng ông lão	* Hình tượng cá vàng - là công lí, là thái độ của nhân dân với người nhân hậu và những kẻ tham lam.	* Tạo nên sự hấp dẫn cho truyện bằng yếu tố hoang đường - Kết cấu sự kiện vừa lập lại tăng tiến; Xây dựng hình tượng nhân vật đối lập, nhiều ý nghĩa; Kết thúc truyện quay về hoàn cảnh thực tế.	* Ca ngợi lòng biết ơn đối với những người nhân hậu và nêu bài học đích đáng cho những kẻ tham lam, bội bạc.
Ngụ ngôn	Ếch ngồi đáy giếng	Ếch	* Có yếu tố ẩn dụ ngụ ý	* Xây dựng hình tượng gắn gũi với đời sống - Cách nói ngụ ngôn, giáo huấn tự nhiên, sâu sắc - Cách kể bất ngờ, hài hước, kín đáo	* Ngụ ý phê phán những người hiểu biết cạn hẹp mà lại huênh hoang, khuyên nhủ chúng ta phải biết mở rộng tầm nhìn, không chủ quana kiêu ngạo.
	Thầy bói xem voi	5 thầy bói mù	* Có yếu tố ẩn dụ ngụ ý	* Cách nói ngụ ngôn, giáo huấn tự nhiên, sâu sắc: + Lập lại các sự việc + Cách nói phóng đại + Dùng đối thoại, tạo tiếng cười hài hước, kín đáo	* Khuyên con người khi tìm hiểu về một sự vật, hiện tượng phải xem xét chúng một cách toàn diện.
	Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng	5 bộ phân của cơ thể người	* Có yếu tố ẩn dụ, ngụ ý	* Sử dụng nghệ thuật ẩn dụ (mượn các bộ phận cơ thể người để nói chuyện con người)	* Nêu bài học về vai trò của mỗi thành viên trong cộng đồng không thể sống đơn độc, tách biệt mà cần đoàn kết, tư, gắn bó để cùng tồn tại và phát triển.ong trợ
	Đeo nhạc cho mèo		* Có yếu tố ẩn dụ, ngụ ý	Sgk (đọc thêm)	Sgk (đọc thêm)

Truyện cười	Treo biển	Chủ nhà hàng bán cá	* Có yếu tố gây cười (người chủ nghe và bỏ ngay, cuối cùng cắt nốt cái biển)	* Xây dựng tình huống cực đoan, vô lí (cái biển bị bắt bẻ) và cách giải quyết một chiều không suy nghĩ, đần đờ của chủ nhà hàng - Sử dụng những yếu tố gây cười - Kết thúc bất ngờ: chủ nhà hành động cắt nốt cái biển	* Tạo tiếng cười hài hước, vui vẻ, phê phán những người thiếu chủ kiến khi hành động và nêu lên bài học về sự cần thiết phải tiếp thu ý kiến có chọn lọc.
	Lợn cười, áo mới	Anh lợn cười và anh áo mới	* Có yếu tố gây cười (cách hỏi, cách trả lời và điệu bộ khoe của lỗ bịch)	* Tạo tình huống gây cười - Miêu tả điệu bộ, hành động, ngôn ngữ khoe rất lỗ bịch của hai nhân vật - Sử dụng biện pháp nghệ thuật phóng đại.	* Chế giễu, phê phán những người có tính hay khoe của - một tính xấu khá phổ biến trong xã hội.

IV/ So sánh các thể loại dân gian

1/ So sánh truyền thuyết và truyện cổ tích.

Giống nhau:

- Đều có yếu tố hoang đường, kì ảo.
- Đều có mô típ như sự ra đời kì lạ và tài năng phi thường của nhân vật chính

Khác nhau:

- Truyền thuyết kể về các nhân vật, sự kiện lịch sử và cách đánh giá của nhân dân đối với những nhân vật, sự kiện được kể.
- Truyện cổ tích kể về cuộc đời của các nhân vật nhất định và thể hiện niềm tin, ước mơ của nhân dân về công lí xã hội.

*** So sánh NN với TC:**

Giống nhau: - Đều có chi tiết gây cười, tình huống bất ngờ.

Khác nhau:

- Mục đích của truyện ngụ ngôn là khuyên nhủ, răn dạy người ta một bài học trong cuộc sống.
- Mục đích của truyện cười là mua vui, phê phán, chế giễu những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống.

VI/ Văn học trung đại:

Đặc điểm truyện trung đại:

Thường được tính từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX- Văn xuôi chữ Hán.

Nội dung mang tính giáo huấn

Vừa có loại truyện hư cấu, vừa có loại truyện gắn với ký hay sử

Cốt truyện đơn giản. Nhân vật thường được miêu tả chủ yếu qua ngôn ngữ trực tiếp của người kể, qua hành động và ngôn ngữ thoại của nhân vật.

1. Con hổ có nghĩa: có hai con hổ có nghĩa

A. Nghệ thuật: - Sử dụng nghệ thuật nhân hoá, xây dựng mang ý nghĩa giáo huấn.

- Kết cấu truyện có sự tăng cấp khi nói về cái nghĩa của hai con hổ nhằm tô đậm tư tưởng, chủ đề của tác phẩm.

B. Ý nghĩa văn bản: Truyện đề cao giá trị đạo làm người: Con vật còn có nghĩa nghĩa huống chi là con người.

2. Mẹ hiền dạy con:

A - Nghệ thuật:

- Xây dựng cốt truyện theo mạch thời gian với năm sự việc chính về mẹ con thầy Mạnh Tử

- Có nhiều chi tiết giàu ý nghĩa, gây xúc động đối với người đọc.

B - Ý nghĩa:

- Truyện nêu cao tác dụng của môi trường sống đối với sự hình thành và phát triển nhân cách của trẻ.

- Vai trò của bà mẹ trong việc dạy dỗ con nên người.

3. Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng.

A - Nghệ thuật:

- Tạo nên tình huống truyện gay cấn

- Sáng tạo nên các sự kiện có ý nghĩa so sánh, đối chiếu

- Xây dựng đối thoại sắc sảo có tác dụng làm sáng lên chủ đề truyện (nêu cao gương sáng về một bậc lương y chân chính)

B - Ý nghĩa:

- Truyện ngợi ca vị Thái y lệnh, không những giỏi về chuyên môn mà còn có tấm lòng nhân đức, thương xót người bệnh.

- Câu chuyện là bài học về y đức cho những người làm nghề y hôm nay và mai sau.

Lưu ý: Phần tóm tắt văn bản: đọc lại văn bản, tóm tắt theo cách ngắn gọn nhất

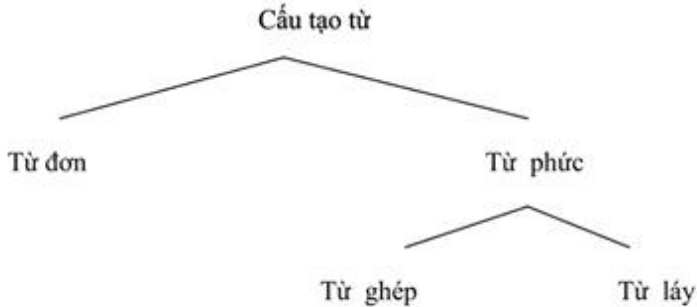
B. PHÂN TIẾNG VIỆT

I. Từ và cấu tạo từ tiếng Việt:

1. Từ là gì?

- Từ là đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất dùng để đặt câu.
- Từ đơn là từ chỉ có một tiếng, VD: Bàn, ghế, tù, sách...
- Từ phức là từ có 2 tiếng trở lên, từ phức gồm có:
 - + Từ ghép: Ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa, VD: Bàn ghế, bánh chưng, ăn ở, mệt mỏi...
 - + Từ láy: Có quan hệ láy âm giữa các tiếng với nhau, VD: âm âm, sạch sành sanh, trông trọt,...

2. Mô hình:



II. Từ mượn:

1. Từ thuần Việt: là những từ do nhân dân ta tự sáng tạo ra.

VD: Cây, cuộc, hoa, lá, sâu riêng, áo dài, đình, chùa, tết...

2. Từ mượn: (vay mượn hay từ ngoại lai) Là những từ của ngôn ngữ nước ngoài được nhập vào ngôn ngữ của ta để biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm,... mà tiếng ta chưa có từ thật thích hợp để biểu thị.

- Bộ phận từ mượn quan trọng nhất trong tiếng Việt là từ mượn tiếng Hán (gồm từ gốc Hán và từ Hán Việt).

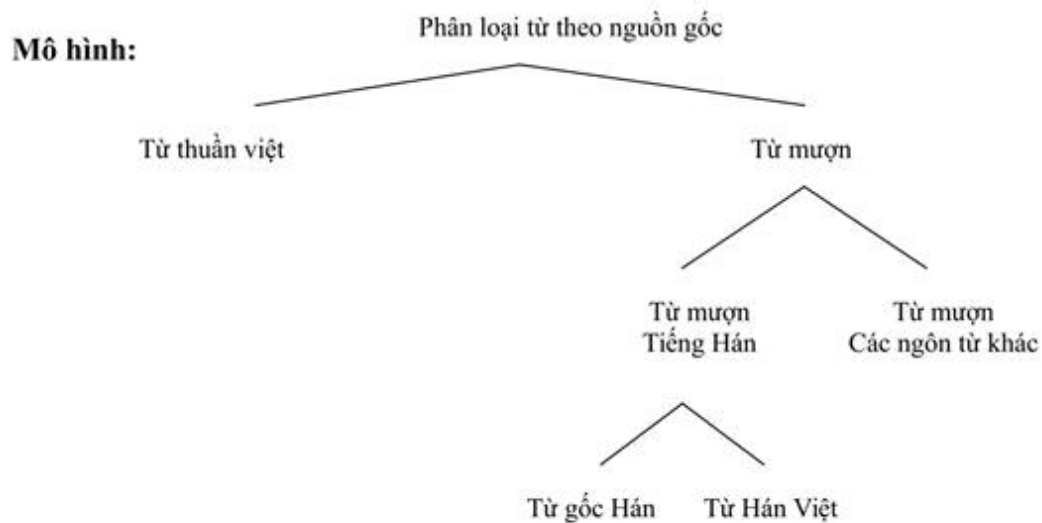
- Ngoài ra còn mượn từ của một số ngôn ngữ khác Anh, Pháp,...

VD: phu nhân, ga, căn tin, xà phòng....

3. Cách viết các từ mượn:

- + Đối với từ mượn đã được Việt hoá hoàn toàn thì viết như tiếng Việt:
- + Đối với từ mượn chưa được Việt hoá thì dùng gạch nối để nối các tiếng với nhau. (Sin-ga-po, Ma-lai-xi-a...)

4. Nguyên tắc mượn từ: Tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Giữ gìn bản sắc dân tộc. Không mượn từ một cách tùy tiện.



III. Nghĩa của từ:

1. Nghĩa của từ: là nội dung mà từ biểu thị.

2. Các giải thích nghĩa của từ: 2 cách.

- Trình bày khái niệm mà từ biểu thị, VD: Tập quán: là thói quen của.....

- Đưa ra những từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ cần giải thích.

Ví dụ: Lẽm liệt: Hùng dũng, oai nghiêm;

Nao núng: Lung lay, không vững lòng nay ở mình nữa.

IV. Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ:

1. Từ có thể có một nghĩa hay nhiều nghĩa. (ví dụ: Toán học, Văn học, Vật lí học... từ có một nghĩa); chân, mắt, mũi... từ có nhiều nghĩa)

2. Từ nhiều nghĩa là kết quả của hiện tượng chuyển nghĩa.

- Nghĩa gốc: Là nghĩa xuất hiện từ đầu, làm cơ sở để hình thành các nghĩa khác.

- Nghĩa chuyển là nghĩa được hình thành trên cơ sở của nghĩa gốc.

Ví dụ: Mũi (*mũi kim, mũi dao, mũi bút...*), chân (*chân trời, chân mây, chân tường, chân đê,...*), mắt (*mắt nứa, mắt tre, mắt na...*), đầu (*đầu giường, đầu đường, đầu sông...*)

V. Lỗi dùng từ:

1 - Các lỗi dùng từ:

+ Lỗi lặp từ.

Ví dụ:

(1) Truyện dân gian thường có nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo nên em rất thích đọc truyện dân gian.

(2) Ban Lan là một lớp trưởng gương mẫu nên cả lớp ai cũng đều rất lấy làm quý mến ban Lan. (từ gạch chân là từ lặp nên loại bỏ để viết lại cho đúng)

=> Lan là một lớp trưởng gương mẫu nên cả lớp đều quý mến.

+ Lỗi lẫn lộn các từ gần âm.

Ví dụ:

- (1) Ngày mai, chúng em sẽ đi thăm quan Viện bảo tàng của tỉnh.
- (2) Ông họa sĩ già nhấp nháy bộ ria mép quen thuộc.
- (3) Tiếng Việt có khả năng tả linh động mọi trạng thái tinh cảm của con người.
- (4) Có một số bạn còn bàng quang với lớp.
- (5) Vùng này còn khá nhiều thủ tục như: ma chay, cưới xin đều cỗ bàn linh đình; ốm đau không đi bệnh mà ở nhà cúng bái,...

Những từ gạch chân là từ lặp, nên thay bằng các từ sau: (1) tham quan, (2) mấp máy, (3) sinh động, (4) bàng quan, (5) hủ tục.

+ Lỗi dùng từ không đúng nghĩa.

Ví dụ:

- (1) Mặc dù còn một số yếu điểm, nhưng so với năm học cũ, lớp 6B đã tiến bộ vượt bậc.
- (2) Trong cuộc họp lớp, Lan đã được các bạn nhất trí đề bạt làm lớp trưởng.
- (3) Nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đã tận mắt chứng thực cảnh nhà tan cửa nát của những người nông dân.
- (4) Làm sai thì cần thực thà nhận lỗi, không nên bao biện.
- (5) Chúng ta có nhiệm vụ giữ gìn những cái tinh tú của văn hoá dân tộc.

Sử lại bằng những từ sau: (1) điểm yếu hoặc nhược điểm, (2) bầu hoặc chọn, (3) chứng kiến, (4) thành khẩn và ngay biện, (5) tinh túy

IV. Từ loại và cụm từ.

1. Danh từ:

A. Nghĩa khái quát: Là những từ chỉ người, vật, hiện tượng, khái niệm...

VD: bác sĩ, kỹ sư, công nhân, giám đốc, bảo vệ, bàn, ghế, mưa, nắng, hoa, lá, mai, cúc, mận, xoài...

B. Đặc điểm ngữ pháp của danh từ:

- **Khả năng kết hợp:** Danh từ có thể kết hợp với từ chỉ số lượng ở phía trước, các từ *này, nó, ấy, kia,...* và một số từ khác ở sau để tạo thành cụm danh từ.

- **Chức vụ ngữ pháp của danh từ:**

+ Diễn hình là làm **chủ ngữ**: Công nhân này// đang làm việc.

+ Khi làm vị ngữ phải có từ **là** đi kèm: Tôi// **là** người Việt Nam.

- **Các loại danh từ:**

+ **Danh từ chỉ sự vật:** dùng để nêu tên từng loại hoặc từng cá thể người, vật, hiện tượng, khái niệm...

Danh từ chung: là tên gọi một loại sự vật

Danh từ riêng: tên riêng của từng người, từng vật, từng địa phương

- Cách viết hoa danh từ riêng. (Quy tắc viết hoa) ghi nhớ sgk T - 109

2. Cụm danh từ:

A. Nghĩa khái quát: Là tổ hợp từ do danh từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.

B. Đặc điểm ngữ nghĩa của cụm danh từ: nghĩa của cụm danh từ đầy đủ hơn một danh từ (công nhân/chú công nhân kia)

C. Chức vụ ngữ pháp của cụm danh từ: giống như danh từ

* **Mô hình cụm danh từ đầy đủ:**

Phần trước		Trung tâm		Phần sau	
T2 chi lượng bao quát	T1 chi lượng cụ thể hơn	T1 Danh từ đơn vị	T2 Danh từ sự vật, hiện tượng, khái niệm..	S1 Nêu đặc điểm, tính chất...	S2 Nơi chốn, thời gian.... (Chi từ)
Tất cả	những mấy	cành hàng	mai bưởi	tứ quý da xanh	ngoài ngõ (nơi chốn) ngày xưa (Thời gian)

- Đặc điểm: Cấu tạo phức tạp hơn danh từ.

- Chức năng: như danh từ (Làm chủ ngữ)

Tạo cụm danh từ - đặt câu có CDT làm chủ ngữ

Các bước thực hiện	Ví dụ
1/ chọn danh từ chỉ sự vật, người, hiện tượng, khái niệm: x	Hoa cúc
2/ Chọn phần phụ trước: y (Lượng từ, số từ)	Tất cả
3/ Tạo cụm: yx	Tất cả hoa cúc
4/ Chọn phần phụ sau: z (chi đặc điểm, nơi chốn...)	tím
5/ Kết hợp thành cụm yxz: cụm danh từ	Tất cả/ hoa cúc /tím PT TT PS

6/ Đặt câu hỏi như thế nào, làm sao ...sau cụm yxz và xác định nội dung cần trả lời.	Tất cả hoa cúc tím <i>như thế nào?</i> Tất cả hoa cúc tím <i>làm sao?</i>
7 Phân tích: - Cụm yxz: Cụm danh từ làm chủ ngữ - Nội dung trả lời câu 6: vị ngữ	Tất cả hoa cúc tím/ là của tôi CN/ VN

3. Số từ và lượng từ:

* **Số từ:** Là những từ chỉ số lượng và thứ tự của sự vật.

- Khi biểu thị số lượng sự vật, số từ thường đứng trước danh từ (ví dụ: *hai con gà, ba học sinh...*).

- Khi biểu thị số thứ tự, số từ đứng sau danh từ (ví dụ: Canh *bốn* canh *năm* vừa chợ mắt; Tôi // là con thứ *nhất*.)

Lưu ý: phân biệt số từ với danh từ đơn vị (số từ không trực tiếp kết hợp với chỉ từ, trong khi đó danh từ đơn vị có thể trực tiếp kết hợp được với số từ ở phía trước và chỉ từ ở phía sau)

Ví dụ: không thể nói: một đôi con trâu, mà có thể nói là: một đôi gà kia.

* **Lượng từ:** Là những từ chỉ lượng ít hay nhiều của sự vật.

Lượng từ được chia thành hai nhóm:

+ Lượng từ chỉ ý nghĩa toàn thể: tất cả, tất thảy, cả,...

+ Lượng từ chỉ ý nghĩa tập hợp hay phân phối: những, mỗi, mọi, từng, các,...

* **Phân biệt số từ và lượng từ:**

- Số từ chỉ số lượng cụ thể và số thứ tự (một, hai, ba, bốn, nhất, nhì...)

- Lượng từ chỉ lượng ít hay nhiều (không cụ thể: Những, mấy, tất cả, dăm, vài...)

4. Chỉ từ:

* Chỉ từ là những từ dùng để trỏ vào sự vật, nhằm xác định vị trí (định vị) của sự vật trong không gian hoặc thời gian.

* Hoạt động của chỉ từ trong câu:

+ Làm phụ ngữ S₂ ở sau trung tâm cụm danh từ (theo dõi chỉ từ “kia” ở mô hình cụm danh từ trên)

+ Làm chủ ngữ hoặc trạng ngữ trong câu.

Ví dụ: Chỉ từ (**đó**) làm chủ ngữ và định vị sự vật trong không gian

(**Đó** // là quê hương của tôi.)

C V

Ví dụ: Chỉ từ (**ấy**) làm trạng ngữ và định vị sự vật trong thời gian

(**Năm ấy**, tôi// vừa tròn ba tuổi.)

TN C V

5. Động từ:

- Động từ là những từ chỉ hành động, trạng thái của sự vật.
- Động từ thường kết hợp với các từ *đã, sẽ, đang, cũng, vẫn, hãy, đừng, chớ...* để tạo thành cụm động từ.
- Chức vụ ngữ pháp của động từ:
 - + Chức vụ điển hình là làm **vị ngữ**.
 - + Khi làm chủ ngữ, động từ thường mất hết khả năng kết hợp với các từ *đã, sẽ, đang, hãy....*
- Động từ chia làm hai loại:
 - + Động từ tình thái (thường đòi hỏi có động từ khác đi kèm:
 - + Động từ chỉ hành động, trạng thái: động từ chỉ hành động (đi, đứng, nằm, hát...) và động từ trạng thái (yêu, ghét, hờn, giận..., vỡ, gãy, nát...)

6. Cụm động từ:

- * Cụm động từ là tổ hợp từ do động từ một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành (đang học bài,...)
- * Cụm động từ có ý nghĩa đầy đủ và có cấu tạo phức tạp hơn một động từ
- * Chức vụ ngữ pháp của cụm động từ: giống như động từ
 - Làm vị ngữ
 - Làm chủ ngữ: không có phụ ngữ trước (ví dụ: Đi // là hành động quá quyết.)
 - Cụm động từ có cấu tạo đầy đủ gồm ba phần: Xem SGK/148

Mô hình cấu tạo cụm động từ

Phần trước	Trung tâm	Phần sau
<ul style="list-style-type: none">- chỉ QH thời gian: Đã, sẽ, đang- chỉ QH tiếp diễn: cũng, vẫn- chỉ sự khẳng định: Có, còn- chỉ sự phủ định: không, chưa, chẳng- chỉ sự khuyến khích hay ngăn cản: hãy, nên, chớ, đừng	ĐỘNG TỪ	<ul style="list-style-type: none">Bổ sung về đối tượngBổ sung về thời gianBổ sung về nơi chốnBổ sung về cách thứcBổ sung về phương tiệnBổ sung về mục đích

Tạo cụm động từ:

Các bước thực hiện	Ví dụ
1/ chọn động từ <i>a</i>	đi
2/ chọn phụ ngữ <i>b</i>	Đã (Phụ ngữ có ý nghĩa chỉ quan hệ thời gian)
3/ tạo cụm động từ có phụ ngữ trước bằng cách kết hợp tổ hợp <i>ba</i>	Đã / đi PT TT
4/ chọn phụ ngữ sau <i>c</i>	Bằng xe đạp (Bổ sung về phương tiện)
5/ kết hợp <i>c</i> sau cụm trên để tạo cụm động từ đầy đủ 3 phần: <i>bac</i>	Đã / đi / bằng xe đạp PT TT PS

Đặt câu có cụm động từ (Để thực hiện để đạt yêu cầu)

- Tạo cụm động từ theo 5 bước trên

VD: sẽ trồng hoa.

- Chọn chủ ngữ thực hiện hành động của cụm

• Để đặt câu có cụm động từ theo quy trình thuận

1/ Chọn đối tượng, sự vật tạo nên hành động:

VD: Nam, Cây mai, Gió

2/ Chọn động từ chỉ hành động của sự vật nêu trên:

VD: Nam: hái, chặt, học,

Cây mai: trổ, ra, vươn.....

Gió: thổi, xua, kéo...

3/ Tim phụ ngữ trước và sau cho động từ

Nam / đang hái hoa sen

PT TT PS

CN ————— VN: CĐT —————

7. Tính từ và cụm tính từ:

- Tính từ là những từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hành động, trạng thái.

- Các loại tính từ: Tính từ chỉ đặc điểm tuyệt đối: *trắng bóc, đỏ chót....* (không kết hợp với các từ chỉ mức độ), tính từ chỉ đặc điểm tương đối: *đỏ, xanh, vàng...* (kết hợp được với từ chỉ mức độ)

- Tính từ và cụm tính từ có thể làm vị ngữ, chủ ngữ trong câu. Khả năng làm vị ngữ của tính từ hạn chế hơn động từ.

Ví dụ: Vàng // là màu của lá.

tt

- Cụm tính từ ở dạng đầy đủ nhất gồm 3 phần: (Có thể vắng phụ trước, phụ sau nhưng phần TT không thể vắng mặt).

Mô hình cấu tạo

Phần trước	Phần trung tâm	Phần sau
<ul style="list-style-type: none"> - chỉ QH thời gian: đã, sẽ, đang - chỉ QH tiếp diễn: cũng, vẫn - chỉ sự khẳng định: có, còn - sự phủ định: không, chưa, chẳng - chỉ sự khuyến khích hay ngăn cản: hãy, nên, chớ, đừng (hạn chế) 	TÍNH TỪ	<ul style="list-style-type: none"> Biểu thị vị trí Sự so sánh Mức độ Phạm vi Nguyên nhân của đặc điểm tính chất

Tạo cụm tính từ

Các bước thực hiện	Ví dụ
1/ chọn tính từ <i>m</i>	đi
2/ chọn phụ ngữ <i>n</i>	Đã (Phụ ngữ có ý nghĩa chỉ quan hệ thời gian)
3/ tạo cụm tính từ có phụ ngữ trước bằng cách kết hợp tổ hợp <i>nm</i>	Đã / đi PT TT
4/ chọn phụ ngữ sau <i>o</i>	Bằng xe đạp (Bổ sung về phương tiện)
5/ kết hợp <i>o</i> sau cụm trên để tạo cụm tính từ đầy đủ 3 phần: <i>nmo</i>	Đã / đi / bằng xe đạp PT TT PS

Lưu ý:

1/ Nhận diện cụm

- Cụm danh từ: có danh từ làm trung tâm, có phụ ngữ trước và sau đi kèm (Xem mô hình và ý nghĩa các phần phụ)
- Cụm động từ: có động từ làm trung tâm, có phụ ngữ trước và sau đi kèm (Xem mô hình và ý nghĩa các phần phụ)
- Cụm tính từ: có tính từ làm trung tâm, có phụ ngữ trước và sau đi kèm

(Xem mô hình và ý nghĩa các phần phụ)

Phụ ngữ chỉ mức độ của cụm tính từ có thể xuất hiện ở cả phần phụ trước và sau

2/ Cấu tạo cụm

- Không nhất thiết cụm phải có đầy đủ 3 phần. Có thể thiếu một trong hai phần phụ
- Trong một câu, có khi cả chủ và vị đầu là cụm

VD: *Mấy cảnh đào Ngọc Hà / đang nở rộ*

xem lại tất cả các bài tập trong SGK của các bài học.

C/ PHẦN TẬP LÀM VĂN

Đề 1: *Kể về người thân của em.*

Dàn bài: MB: Giới thiệu người thân và những ấn tượng chung về người ấy.

- Người em kể là ai, có quan hệ với em như thế nào?
- Ấn tượng chung về phẩm chất, tính cách.

(3 - 4 câu)

TB: 1/- Giới thiệu đôi nét về hình dáng (Qua quan sát trực tiếp hoặc nhớ lại
- Lưu ý chi tiết lựa chọn phải phù hợp độ tuổi) (5 - 6 câu)

2/- Kể về những nét tính cách đáng quý thể hiện qua hành động việc làm.

+ Thói quen, sở thích (8 - 10 câu)

+ Mối quan hệ đối với người xung quanh, trong gia đình, người ngoài.

+ Thương yêu, lo lắng, chăm sóc

(nêu những việc làm cụ thể, những cử chỉ ân cần, biểu hiện chăm sóc...) (8 - 10 câu)

+ Nhiệt tình, sẵn lòng giúp đỡ (đối với xóm giềng như thế nào...) (8 - 10 câu)

3/- Kỷ niệm đáng nhớ về người thân. (8 - 10 câu)

(Đó là kỷ niệm gì, kể ngắn gọn, kỷ niệm đó có ý nghĩa như thế nào đối với em...)

KB: Nêu tình cảm, suy nghĩ đối với người thân (4 - 6 câu)

- Tình cảm của em đối với người thân
- Mong ước những điều tốt đẹp cho người thân
- Làm cho người thân vui lòng.

Đề 2: *Kể về một kỷ niệm đáng nhớ*

Dàn bài

MB: Giới thiệu câu chuyện, việc làm khiến em nhớ mãi

(Đó là câu chuyện gì? Vì sao em nhớ mãi?)

(3 - 4 câu)

TB: - Nguyên nhân xảy ra câu chuyện chứa kỷ niệm (2 - 3 câu)

(vì sao câu chuyện đáng nhớ đó xảy ra, trong câu chuyện gồm có những ai?...)

- Nội dung câu chuyện: (20 - 24 câu)

+ Diễn biến như thế nào? Chi tiết nào là đáng nhớ

+ Kết thúc:

+ Ý nghĩa: Vì sao nó đáng nhớ (6 - 8 câu)

KB: Suy nghĩ, cảm xúc về câu chuyện ấy.

(Bài học rút ra từ câu chuyện) (4 - 6 câu)

Đề 3:

Đêm qua, em đã mơ một giấc mơ kỳ lạ. Hãy kể lại giấc mơ đó.

Dàn bài chung:

- Mở bài: Giới thiệu câu chuyện trong giấc mơ (0,5đ)

- Thân bài: (3đ) Nguyên nhân, diễn biến, kết thúc câu chuyện trong giấc mơ

- Kết thúc: ý nghĩa của câu chuyện trong mơ đối với thực tại (0,5đ)

Hình thức: 1đ

- Rõ bố cục, cân đối: (0,5 đ)

- Diễn đạt mạch lạc, không sai lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu... (0,5đ)

- Sai 4 lỗi chính tả trừ (0,25đ) (Trừ không quá 1đ)

Dàn bài mẫu chi tiết: “ Giấc mơ nghe các cây xanh nói chuyện”

MB: (3 - 4 dòng)

Giới thiệu câu chuyện (0,5đ)

- Nguyên nhân em nghe thấy câu chuyện giữa các cây xanh trong sân trường.

(Nằm mơ)

- Nêu lý do em kể lại câu chuyện này. (Câu chuyện gây xúc động, kỳ lạ...)

TB:

1 - Hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.

(Trong mơ, thời gian của câu chuyện là lúc nào, em làm gì...)

0,25đ (2 - 3 dòng)

2 - Nhân vật trong câu chuyện: gồm các cây nào... 0,25đ (2 - 3 dòng)

3 - Đề tài cuộc thoại giữa các cây xanh: (30 - 32 dòng) 2đ

A + Thái độ chăm sóc của học sinh: khen, chê, nhận xét....

B + Lo lắng cho sức khỏe của bản thân

C + Những bản khoản về môi trường trong tương lai khi thiếu cây xanh:
Không che mát cho sân trường, không tạo được cảnh quan đẹp, trái đất nóng lên,
lũ lụt, thiếu ô xi....

D + Những ước mơ góp phần bảo vệ môi trường.:

Đem lại cuộc sống tốt đẹp cho mọi người

- Kết thúc giấc mơ: tâm trạng.... (3 - 4 dòng) 0.25đ

KB: Suy nghĩ về giấc mơ, kêu gọi bảo vệ cây xanh, bảo vệ môi trường (0,5 đ)

+ Ý nghĩa của giấc mơ đối với thực tại

+ Kêu gọi nhận thức của mọi người.

(4 - 6 dòng)

Lưu ý:

Nội dung:

- Người kể chỉ chọn một ngôi xưng
- Nên nhân hóa cây cối như con người bằng cách dùng đại từ xưng hô và từ ngữ dùng để tả người.
- Chọn từ ngữ tả phải phù hợp hoàn cảnh, tâm trạng

VD: 3. a: tâm trạng đau đớn, xót xa nên chọn như: Chị..... hu hu khóc....

3. b và 3. c: buồn (phân vân, trầm ngâm, rưng rưng, than thở, chậm rãi, thờ dãi...)

3. d: hi vọng, mơ ước(mơ màng, nghĩ ngợi, phấn chấn, mặt rạng rỡ...)

- Nên đan xen suy nghĩ của người khi nghe câu chuyện của các cây xanh

Hình thức:

- khuyến khích sử dụng lời thoại của các nhân vật cây xanh
- Bài làm cân đối, rõ bố cục. Tên riêng phải viết hoa